

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02/2023/NQ-HĐND

Ninh Bình, ngày 14 tháng 11 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy định định mức xây dựng dự toán đối với các
nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước
thuộc thẩm quyền quản lý của tỉnh Ninh Bình**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH
KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ 16**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-BKH-CN ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học có sử dụng ngân sách nhà nước;

Xét Tờ trình số 193/TTr-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc ban hành Nghị quyết quy định định mức xây dựng dự toán đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của tỉnh Ninh Bình; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định định mức xây dựng dự toán đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của tỉnh Ninh Bình.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình khóa XV, kỳ họp thứ 16 thông qua ngày 14 tháng 11 năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 11 năm 2023. /.

Nơi nhận

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Khoa học và Công nghệ, Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UB MTTQVN tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh khóa XV;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN các huyện, TP;
- Công báo tỉnh, Đài PT và TH tỉnh, Báo Ninh Bình;
- Lưu: VT, Phòng CTHĐND.

CHỦ TỊCH

(Handwritten signature)
Mai Văn Tuất



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Định mức xây dựng dự toán đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của tỉnh Ninh Bình
(kèm theo Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết này quy định định mức xây dựng dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ (sau đây viết tắt là nhiệm vụ KH&CN) có sử dụng ngân sách nhà nước cấp tỉnh, cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

2. Các nội dung chi từ nguồn kinh phí đối ứng của tỉnh Ninh Bình để triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp Quốc gia, cấp Bộ được thực hiện theo mức chi tương ứng tại Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết này.

3. Các đơn vị huy động nguồn vốn khác ngoài ngân sách nhà nước để thực hiện nhiệm vụ KH&CN thì khuyến khích áp dụng định mức theo Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan quản lý nhiệm vụ KH&CN và cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước;

2. Các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước tỉnh Ninh Bình và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng

1. Các định mức xây dựng dự toán kinh phí ngân sách nhà nước theo Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết này là định mức tối đa áp dụng đối với nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở. Cơ quan quản lý nhiệm vụ KH&CN, các tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN căn cứ vào tính chất, nội dung nhiệm vụ KH&CN và nguồn kinh phí được bố trí để quyết định mức chi xây dựng dự toán áp dụng đối với các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và quy định tại Điều 4, Điều 5 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết này.

2. Những nội dung khác về định mức xây dựng dự toán kinh phí đối với các nhiệm vụ KH&CN không quy định trong Nghị quyết này được thực hiện theo quy định hiện hành.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ



Điều 4. Định mức xây dựng dự toán nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước

1. Hệ số lao động khoa học của các chức danh như sau:

STT	Chức danh (CD)	Hệ số lao động khoa học (H _{CD})
1	Chủ nhiệm nhiệm vụ	1,0
2	Thư ký khoa học	0,3
3	Thành viên chính	0,8
4	Thành viên	0,4
5	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	0,2

Một cá nhân có thể tham gia nhiều nội dung, công việc nghiên cứu với các chức danh khác nhau. Thù lao của cá nhân trong nội dung, công việc nghiên cứu được tính theo hệ số lao động khoa học của chức danh tương ứng và thời gian cá nhân thực hiện nội dung, công việc nghiên cứu đó.

2. Dự toán chi thù lao tham gia nhiệm vụ KH&CN

a) Dự toán chi thù lao tham gia nhiệm vụ KH&CN được lập theo nội dung, công việc nghiên cứu và theo chức danh (đối với chủ nhiệm nhiệm vụ; thư ký khoa học) hoặc nhóm chức danh (đối với thành viên chính; thành viên; kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ).

Tiền thù lao cho các chức danh hoặc nhóm chức danh thực hiện nhiệm vụ KH&CN được tính theo số tháng quy đổi thời gian tham gia thực hiện nhiệm vụ. Định mức chi thù lao đối với chức danh chủ nhiệm nhiệm vụ tối đa không quá 28 triệu đồng/người/tháng đối với nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh và 16 triệu đồng/người/tháng đối với nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở; đối với các chức danh hoặc nhóm chức danh khác, mức chi thù lao tối đa không quá 0,8 lần mức chi của chủ nhiệm nhiệm vụ.

Trong trường hợp thời gian tham gia thực hiện nhiệm vụ KH&CN không đủ một tháng, dự toán chi thù lao được tính theo mức thù lao của số ngày tham gia thực hiện nhiệm vụ KH&CN của chức danh hoặc nhóm chức danh tương ứng. Mức thù lao ngày được tính trên cơ sở mức thù lao của một tháng chia cho 22 ngày.

b) Dự toán chi thù lao của chủ nhiệm nhiệm vụ; thư ký khoa học; nhóm chức danh được tính theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 02/2023/TT-BKH&CN.

3. Dự toán thuê lao động phổ thông hỗ trợ các công việc trong nội dung nghiên cứu (nếu có) được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 4 Thông tư số 03/2023/TT-BTC.

4. Dự toán thuê chuyên gia trong nước và ngoài nước phối hợp nghiên cứu thực hiện nhiệm vụ KH&CN được quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 03/2023/TT-BTC.

5. Dự toán chi mua vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu; chi sửa chữa, mua sắm tài sản cố định được thực hiện theo khoản 3 Điều 4 Thông tư số 03/2023/TT-BTC.

6. Dự toán chi hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học, công tác phí trong nước, hợp tác quốc tế (đoàn ra, đoàn vào) phục vụ hoạt động nghiên cứu được thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 14/2017/NQ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình quy định về chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Ninh Bình; Nghị quyết số 21/2019/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc ban hành Quy định chế độ tiếp khách trong nước, tiếp khách nước ngoài và chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam của tỉnh Ninh Bình; Thông tư số 102/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức Nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí. Ngoài ra, mức chi thù lao tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học phục vụ hoạt động nghiên cứu khoa học đối với nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở cụ thể:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh	Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở
1	Người chủ trì	Buổi	1.400	800
2	Thư ký hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	Buổi	350	200
3	Báo cáo viên trình bày tại hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	Báo cáo	2.100	1.200
4	Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo đề nghị viết báo cáo nhưng không trình bày tại hội thảo	Báo cáo	1.050	600
5	Thành viên tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	Thành viên/ Buổi	200	100

7. Dự toán chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu được thực hiện theo khoản 5 Điều 4 Thông tư 03/2023/TT-BTC.

8. Dự toán chi hợp tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở (nếu có): Bằng 50% mức chi cho Hội đồng nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 5 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết này.

9. Dự toán chi quản lý chung nhiệm vụ KH&CN:

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước được dự toán các nội dung chi quản lý chung phục vụ nhiệm vụ KH&CN để đảm bảo triển khai nhiệm vụ KH&CN tại tổ chức chủ trì. Cụ thể:

a) Đối với nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh: Bằng 5% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh có sử dụng ngân sách nhà nước, nhưng tối đa không quá 210 triệu đồng/nhiệm vụ.

b) Đối với nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở: Bằng 5% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước, nhưng tối đa không quá 120 triệu đồng/nhiệm vụ.

10. Các khoản chi khác liên quan đến triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở được thực hiện theo khoản 8 Điều 4 Thông tư 03/2023/TT-BTC.

Điều 5. Một số mức chi quản lý nhiệm vụ KH&CN

1. Mức chi hoạt động của các Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ

a) Chi tiền thù lao

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh	Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở
1	Chi tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN			
a	Chi họp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN	Hội đồng		
	<i>Chủ tịch hội đồng</i>		1.050	600
	<i>Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng</i>		700	400
	<i>Thư ký khoa học</i>		200	100
	<i>Thư ký hành chính</i>		200	100
	<i>Đại biểu được mời tham dự</i>		150	100
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá		
	<i>Nhận xét đánh giá của ủy viên hội đồng</i>		350	200
	<i>Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong hội đồng</i>		500	300
c	Chi thù lao xây dựng yêu cầu đặt hàng đối với các nhiệm vụ đề xuất thực hiện	Nhiệm vụ		

	<i>Chủ tịch hội đồng</i>		500	300
	<i>Phó chủ tịch hội đồng, thành viên hội đồng</i>		350	200
2	Chi về tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN			
a	Chi họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN	Hội đồng		
	<i>Chủ tịch hội đồng</i>		1.250	700
	<i>Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng</i>		1.050	600
	<i>Thư ký khoa học</i>		200	100
	<i>Thư ký hành chính</i>		200	100
	<i>Đại biểu được mời tham dự</i>		150	100
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá		
	<i>Nhận xét đánh giá của ủy viên hội đồng</i>		500	300
	<i>Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong hội đồng</i>		700	400
3	Chi tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ KH&CN			
a	Chi họp Hội đồng nghiệm thu	Nhiệm vụ		
	<i>Chủ tịch hội đồng</i>		1.250	700
	<i>Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng</i>		1.050	600
	<i>Thư ký khoa học</i>		200	100
	<i>Thư ký hành chính</i>		200	100
	<i>Đại biểu được mời tham dự</i>		150	100
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá		
	<i>Nhận xét đánh giá của ủy viên hội đồng</i>		500	300
	<i>Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng</i>		700	400
4	Chi thù lao chuyên gia xử lý các vấn đề kỹ thuật hỗ trợ cho hoạt động của Hội đồng	Chuyên gia	1.050	600

Trường hợp trong một số lĩnh vực phải mời chuyên gia ngoài tỉnh tham gia làm thành viên các Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ tại khoản 1 Điều này do trong tỉnh không có chuyên gia chuyên sâu thì mức chi được áp dụng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 Thông tư 03/2023/TT-BTC.

b) Dự toán chi hoạt động của các Hội đồng tư vấn khác được quy định tại Thông tư quản lý nhiệm vụ KH&CN của Bộ Khoa học và Công nghệ (nếu có) được áp dụng tối đa bằng 50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở được quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

c) Các nội dung chi khác được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định hiện hành của pháp luật (nếu có).

2. Mức chi hoạt động của tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN

a) Chi tiền thù lao

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh	Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở
1	Tổ trưởng tổ thẩm định	Nhiệm vụ	700	400
2	Thành viên tổ thẩm định	Nhiệm vụ	500	300
3	Thư ký hành chính	Nhiệm vụ	200	100
4	Đại biểu được mời tham dự	Nhiệm vụ	150	100

b) Chi hậu cần phục vụ hoạt động của tổ thẩm định được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định hiện hành của pháp luật.

3. Mức chi xây dựng dự toán thuê chuyên gia tư vấn độc lập được thực hiện theo khoản 3 Điều 6 Thông tư 03/2023/TT-BTC.

4. Chi thông báo tuyển chọn trên các phương tiện truyền thông được thực hiện theo khoản 4 Điều 6 Thông tư 03/2023/TT-BTC.

5. Dự toán chi công tác kiểm tra, đánh giá trong quá trình thực hiện nhiệm vụ KH&CN; kiểm tra, đánh giá sau khi giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ

a) Dự toán chi công tác phí cho đoàn kiểm tra đánh giá được xây dựng theo quy định tại Nghị quyết số 14/2017/NQ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình quy định về chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Ninh Bình;

b) Dự toán chi tiền công cho Hội đồng đánh giá nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở (trong trường hợp cần thiết có Hội đồng đánh giá) được áp dụng tối đa bằng 50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

6. Chi hội nghị, hội thảo khoa học phục vụ công tác quản lý nhiệm vụ KH&CN (nếu có) thực hiện theo quy định đối với dự toán chi hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học phục vụ hoạt động nghiên cứu quy định tại khoản 6 Điều 4 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết này.

7. Các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến hoạt động quản lý nhiệm vụ KH&CN được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 6. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Đối với nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh: Kinh phí thực hiện từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ cấp tỉnh và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

2. Đối với nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở: Kinh phí thực hiện từ nguồn chi thường xuyên của đơn vị cấp cơ sở và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Điều 7. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với các nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục áp dụng theo các quy định tại thời điểm phê duyệt nhiệm vụ cho đến khi kết thúc thời gian thực hiện nhiệm vụ.

2. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó./.